TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2025/HNGĐ-PT
Ngày 22 - 12 - 2025
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

Bà Lâm Ngọc Tuyền

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Minh Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp "Ly hôn".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 86/2025HNGĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là Toà án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1396/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Mai Thị Ngọc L**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: B L, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường Đ, tỉnh Đồng Tháp).

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: B L, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường Đ, tỉnh Đồng Tháp).

3. Người kháng cáo: Bị đơn - Anh **Lê Văn T.**

(Có mặt chị L và anh T).

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn, chị Mai Thị Ngọc L trình bày:

Vào ngày 18/3/2018 chị và anh Lê Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Lê Hoàng Bảo H, sinh năm 2008 và Lê Kiến T1, sinh năm 2014.

Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, khi sinh con đầu lòng thì anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh T có người phụ nữ khác bên ngoài. Sau khi sinh con thì chị và con về nhà mẹ ruột sinh sống được hơn 01 năm, trước sự động viên hàn gắn của gia đình nên chị cho anh cơ hội. Đến năm 2014 chị sinh con thứ 2 thì vợ chồng chị lại phát sinh mâu thuẫn, anh có nhiều phụ nữ bên ngoài, ghen tuông và có khi nhậu về nhiều lần đánh, đe dọa giết chị. Từ lâu tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, nhiều lần chị định nộp đơn ly hôn nhưng gia đình khuyên can và vì thương 02 con nên chị chịu đựng, chị nhiều lần đề nghị thỏa thuận ly hôn nhưng anh T không đồng ý.

Nay, chị yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T.

- Về con chung: Có 02 con chung Lê Hoàng Bảo H, sinh năm 2008 và Lê Kiến T1, sinh năm 2014. Yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi con chung 3.000.000/tháng. Do anh T hiện làm tại Công ty TNHH U, có thu nhập cao, ổn định, nên mức cấp dưỡng chị yêu cầu là có khả năng để thực hiện vì bình thường thì anh T vẫn gửi tiền để chị lo cho 02 con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Lê Văn T: Không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 86/2025HNGĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là Toà án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Tháp) đã căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Ngọc L.

- Về hôn nhân: Chị Mai Thị Ngọc L được ly hôn với anh Lê Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng Bảo H, sinh ngày 19/11/2008 và cháu Lê Kiến T1, sinh ngày 08/3/2014 cho chị Mai Thị Ngọc L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Anh Lê Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, đến khi cháu H và cháu T1 đủ 18 tuổi và lao động được.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định.

* Ngày 04 tháng 7 năm 2025, anh Lê Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Anh Lê Văn T thay đổi yêu cầu kháng cáo, cụ thể:

+ Về hôn nhân: Anh T thống nhất thuận tình ly hôn với chị L.

+ Về con chung: Anh T yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Về án phí: Đồng ý chịu án phí theo quy định.

- Chị Mai Thị Ngọc L trình bày: Thống nhất với yêu cầu kháng cáo của anh Lê Văn T.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của anh Lê Văn T còn trong thời hạn quy định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Tại phiên toà hôm nay, anh Lê Văn T và chị Mai Thị Ngọc L thống nhất thoả thuận, cụ thể như sau:

* Về hôn nhân: Anh T và chị L thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lê Hoàng Bảo H, sinh ngày 19/11/2008 và cháu Lê Kiến T1, sinh ngày 08/3/2014 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Xét thấy tại phiên toà các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thoả thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1/- Công nhận sự thoả thuận của chị Mai Thị Ngọc L và anh Lê Văn T.

Sửa Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 86/2025HNGĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là Toà án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Tháp).

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1.1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Ngọc L và anh Lê Văn T.

1.2. Công nhận sự thoả thuận của chị Mai Thị Ngọc L và anh Lê Văn T, cụ thể như sau:

* Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng Bảo H, sinh ngày 19/11/2008 và cháu Lê Kiến T1, sinh ngày 08/3/2014 cho anh Lê Văn T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

- Chị Mai Thị Ngọc L chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh Lê Văn T chưa yêu cầu.

- Anh Lê Văn T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Vì lợi ích của con chung khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí: Chị Mai Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005550 ngày 06/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

Anh Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai

số 0006880 ngày 16/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, xem như đã nộp xong án phí.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND KV 01 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV 01 - Đồng Tháp;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Thắm).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thu Thủy